

Số: /BVUBĐN-KD

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 07 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán Mua sắm hóa chất, vật tư y tế theo máy cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2026-2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, địa chỉ: Đường Hoàng Thị Loan, Tổ 28, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng.
- Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bà Lê Thị Hải Yến, SĐT: 0236.3717.215, email: bmt.bvubdn@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, Đường Hoàng Thị Loan, Tổ 28, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng, vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6.
 - Nhận file mềm excel và bản scan qua địa chỉ email: bmt.bvubdn@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 03 tháng 07 năm 2025 đến trước 09h ngày 14 tháng 07 năm 2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 14 tháng 07 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá: **Chi tiết Bảng mô tả đính kèm Phụ lục 01.**
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế.
 - Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, Đường Hoàng Thị Loan, Tổ 28, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng.
 - Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Thời gian giao hàng dự kiến:
 - Thời gian cung ứng dự kiến 24 tháng kể từ Quý IV năm 2025.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

a. ***Báo giá theo mẫu Phụ lục 02 đính kèm thông báo này.***

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các mặt hàng báo giá (Bản giấy hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện hoặc email quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá).

c. Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có file mềm và bản scan của Hồ sơ báo giá theo quy định tại điểm a, b khoản 5 mục này gửi về địa chỉ email của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá.

d. Quyết định trúng thầu kèm Danh mục chi tiết hàng hoá chào giá: Phải thông qua ***Đấu thầu rộng rãi*** và phải còn hiệu lực trong vòng ***12 tháng*** (từ tháng 07/2024 đến nay).

Lưu ý: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hùng

PHỤ LỤC 02: MẪU BÁO GIÁ

CÔNG TY
Địa chỉ:
SĐT:
Email:
Mã số thuế:

BẢNG BÁO GIÁ
KÍNH GỬI: BỆNH VIỆN UNG BƯỞU ĐÀ NẴNG

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số 19/BVUBĐN-KD ngày 03 tháng 07 năm 2025 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, chúng tôi, Công ty....., có địa chỉ tại:, báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các mặt hàng như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại, ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Số lượng/ khối lượng tùy chọn mua thêm 30%	ĐVT	Quy cách	Đơn giá (Đã có VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)	Thành tiền tùy chọn mua thêm 30% (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1											0			
											0			
TỔNG CỘNG: KHOẢN													-	-

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 14 tháng 07 năm 2025.
3. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày 10 tháng 07 năm 2025
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 01
BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 19/BVUBĐN-KD ngày 03 tháng 07 năm 2025 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Kít thu nhận tế bào gốc	Vô trùng - Bộ kít gồm các hệ thống dây, đường dịch thay thế, các túi thu sản phẩm, kênh ly tâm + Có đường dây chống đông và đường nước muối gắn màng lọc vô trùng + Có 1 túi chứa khí + Có đường thay thế dịch + Có van một chiều + Có màng cảm biến áp lực đầu vào/ màng cảm biến áp lực buồng ly tâm + Có 1 túi chứa sản phẩm, thể tích khoảng 940ml. + Có kênh ly tâm + Thể tích vòng tuần hoàn ngoài chuẩn khoảng 253 ml Bộ kít có kèm theo túi chống đông đi cùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA Hoặc tương đương Dùng tương thích với máy tách tế bào gốc Spectra optia	Bộ	13	3
2	Kít thu nhận tiểu cầu	Bộ kít thu nhận tiểu cầu, túi đôi gồm các thành phần: Các đường dây, các túi thu nhận tiểu cầu, túi thu huyết tương, kênh ly tâm Kín, vô trùng và có phin lọc khuẩn trên đường dây chống đông Thu nhận được 2 đơn vị tiểu cầu/ 1 lần thu. - Có màng lọc khoảng 200 microns trên đường trả máu về. - Có buồng giảm thiểu bạch cầu. - Có bầu bẫy khí trên đường trả máu về Thể tích ngoài tuần hoàn ≤ 200 ml . Bộ kít được cung cấp cùng 01 túi dung dịch chống đông. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13495 hoặc CE hoặc FDA Hoặc tương đương Tương thích với Máy tách tiểu cầu Trima Accel.	Bộ	3.850	1.155

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	Que thử nước tiểu 11 thông số	Thông số: Đo được 11 thông số nước tiểu bao gồm: Glucose, pH, Protein, máu, Ketones, Nitrite, Bilirubin, Urobilinogen, tỷ trọng, bạch cầu, acid Ascorbic. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc CE Hoặc tương đương Que thử nước tiểu sử dụng tương thích được với máy Combiscan	Que	46.000	13.800
4	Hóa chất sử dụng cho quá trình rửa kim tính kiềm	Hoá chất rửa kim sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Thành phần: chứa Sodium hypochloride khoảng 1% Lọ từ 50ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy Sysmex CA 1500.	Lọ	115	34
5	Hóa chất chạy nội kiểm cho xét nghiệm đông máu	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động. Sử dụng để kiểm chuẩn dải bệnh lý cho các xét nghiệm APTT, PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen. Hóa chất không chứa chất bảo quản, có nguồn gốc từ người, dạng đông khô Lọ từ 1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy Sysmex CA 1500.	Lọ	23	6
6	Hóa chất bổ trợ cho xét nghiệm APTT và xét nghiệm yếu tố nội sinh	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động. Sử dụng như hoá chất bổ sung trong các xét nghiệm đông máu Thành phần: dung dịch calcium chloride khoảng 0,025 mol/l Lọ từ 15ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy Sysmex CA 1500.	Lọ	161	48
7	Hóa chất chạy nội kiểm cho xét nghiệm đông máu Citrol 1E hoặc tương đương	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động. Sử dụng để kiểm chuẩn ở dải bình thường cho các xét nghiệm APTT, PT, TT, fibrinogen, ATIII, Batroxobin time/Reptilase time Có nguồn gốc từ huyết tương người chống đông citrat, dạng đông khô. Lọ từ 1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy Sysmex CA 1500.	Lọ	23	6

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
8	Hóa chất chạy nội kiểm cho xét nghiệm đông máu Citrol 2E hoặc tương đương	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu ở dải điều trị chống đông đường uống mức trung bình đến mức cao, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT Có nguồn gốc từ huyết tương người chống đông citrat, dạng đông khô Lọ từ 1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với máy Sysmex CA 1500.</u>	Lọ	23	6
9	Hóa chất chạy hiệu chuẩn cho xét nghiệm đông máu	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Sử dụng để hiệu chuẩn cho các xét nghiệm PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen. Thành phần: có nguồn gốc từ người, được kiểm tra các HIV, HBV, HCV. Dạng đông khô Lọ từ 1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với máy Sysmex CA 1500.</u>	Lọ	23	6
10	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Sử dụng để định lượng fibrinogen trong huyết tương Thành phần: thrombin có nguồn gốc từ bò, khoảng 100 IU/ml. Lọ từ 1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với máy Sysmex CA 1500.</u>	Lọ	966	289
11	Hóa chất đo thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT)	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động. Sử dụng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT) Thành phần: phosphatides đậu nành tinh khiết và não thò, chất đệm và chất ổn định, dạng lỏng. Lọ từ 2ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với máy Sysmex CA 1500.</u>	Lọ	1.081	324

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
12	Hóa chất pha loãng cho xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động. Là dung dịch đệm trong xét nghiệm đông máu Thành phần: sodium barbital và sodium chloride, pH $7,35 \pm 0,1$; dạng lỏng. Lọ từ 15ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy Sysmex CA 1500.	Lọ	184	55
13	Hóa chất đo thời gian Prothrombin (PT) được điều chế từ yếu tố mô nhau thai người kết hợp với Canxi Clorua và chất ổn định	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT) Thành phần: thromboplastin nhau thai người ($\leq 60\text{g/L}$), Calcium Chloride (khoảng $1,5\text{g/L}$) và chất ổn định. Lọ từ 4ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy Sysmex CA 1500.	Lọ	1.529	458
14	Hóa chất cần cho quá trình rửa kim có tính acid	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Thành phần: HCl nồng độ khoảng $0,16\%$, Non-ionic surfactant khoảng $0,50\%$ Hộp từ 500ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy Sysmex CA 1500.	Hộp	13	3
15	Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm định lượng D - Dimer	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Sử dụng để định lượng D-Dimer trong huyết tương gồm các hoá chất như sau: Thuốc thử: gồm các hạt Polystyrene phủ kháng thể đơn dòng chuột trong hỗn hợp đệm chứa Albumin huyết thanh người, dạng đông khô Dung dịch đệm: dạng lỏng, dung dịch đệm / chất ổn định, chất bảo quản Dung dịch bổ trợ: thuốc thử chặn tính dị ái (khoảng 0.63g/l) / chất đệm / chất bảo quản Dung dịch pha loãng: dạng lỏng, dung dịch đệm, chất bảo quản Chất chuẩn: dạng đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương người có chứa D-Dimer nồng độ $4,4$ tới $6,1$ mg/L FEU) Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy Sysmex CA 1500.	Hộp	27	8

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
16	Hóa chất nội kiểm cho xét nghiệm D - Dimer	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Sử dụng để đánh giá độ chính xác và xu hướng phân tích của xét nghiệm định lượng D-Dimer mức bình thường và mức bệnh lý Có nguồn gốc từ huyết tương người, dạng đông khô Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy Sysmex CA 1500.	Hộp	6	1
17	Cồng đo loại tube dùng trong xét nghiệm đông máu	Vật tư sử dụng trong xét nghiệm đông máu tự động Cồng phản ứng dùng để chứa mẫu và hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động. Cồng sử dụng một lần. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy Sysmex CA 1500.	Cái	69.000	20.700
18	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm huyết học	Hóa chất sử dụng trong các chương trình ngoại kiểm. đáp ứng trên 10 thông số công thức máu hoặc tương đương, bao gồm cả thông số Plateletcrit (PCT). Loại đóng gói từ 3x2ml trở lên. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	9	2
19	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm HIV/Viêm gan	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm HIV/Viêm gan Đáp ứng hơn 15 thông số hoặc tương đương, bao gồm thông số Anti-CMV (Total) Loại đóng gói từ 12x1,8ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	4	1
20	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm đông máu	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm đông máu Đáp ứng 5 thông số Đông máu cơ bản hoặc tương đương. Loại đóng gói từ 6x1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	4	1
21	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm miễn dịch	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm miễn dịch Đáp ứng trên 48 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả thông số Gentamicin, PTH và 1-25-(OH)2- Vitamin D. Loại đóng gói từ 6x5ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	4	1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
22	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm sinh hóa	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm sinh hóa Đáp ứng trên 50 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả ACE (Angiotensin Converting Enzyme), D-3-Hydroxybutyrate, Fructosamine và eGFR (estimated glomerular filtration rate). Loại đóng gói từ 6x5ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	4	1
23	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm HbA1c	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm HbA1c Chương trình ngoại kiểm HbA1c 2 thông số hoặc tương đương. Loại đóng gói từ 6x 0,5ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	4	1
24	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm nước tiểu	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm nước tiểu Đáp ứng 14 thông số tổng phân tích nước tiểu hoặc tương đương, bao gồm thông số Galactose. Mẫu dạng lỏng Loại đóng gói từ 3x12ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	4	1
25	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm giang mai	Hóa chất sử dụng cho ngoại kiểm giang mai Gồm 1 thông số. Loại đóng gói từ 6x1ml trở lên Mẫu dạng lỏng Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	4	1
26	Hóa chất sử dụng cho Ngoại kiểm Miễn Dịch Đặc Biệt I	Hóa chất sử dụng cho Ngoại kiểm Miễn Dịch Đặc Biệt I Đáp ứng trên 9 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả thông số 1-25-(OH)2-Vitamin D, Anti-TPO, Anti-TG, Osteocalcin và PTH. Loại đóng gói từ 6x2ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	4	1
27	Hóa chất sử dụng cho Ngoại kiểm Cyfra21-1	Hóa chất sử dụng cho Ngoại kiểm Cyfra21-1 Đáp ứng thông số Cyfra 21-1 (Cytokeratin 19) hoặc tương đương Loại đóng gói từ 6x1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	4	1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
28	Card định nhóm máu theo 2 phương pháp hồng cầu mẫu, huyết thanh mẫu và RhD	Khả năng thực hiện xét nghiệm: Cho phép đồng thời định nhóm máu xuôi và ngược và xác định RhD Thành phần: Gel card có chứa kháng thể đơn dòng A, B và D. Đồng thời có giếng chứa chứng âm để kiểm chuẩn. 2 giếng gel trung tính. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy định nhóm máu bán tự động DiaMed.	Card	32.890	9.867
29	Card xét nghiệm định tính kháng thể, khả năng tương thích và nhóm máu	Khả năng thực hiện xét nghiệm: sàng lọc và định danh kháng thể, xác định tính tương thích của máu và xác định nhóm máu theo kiểu ngược, phát hiện các kháng thể ở 4oC và 18-25oC như kháng thể M , N, P1, Le (a,b), I. Thiếu máu tán huyết liên quan đến kháng thể lạnh. Thành phần: 6 vi ống chứa dịch treo gel trung tính Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy định nhóm máu bán tự động DiaMed.	Card	3.450	1.035
30	Card xét nghiệm Coombs gián tiếp - trực tiếp, phản ứng hòa hợp và xét nghiệm liên quan đến kháng thể	Khả năng thực hiện xét nghiệm: cho phép xét nghiệm được 6 mẫu với cả 2 loại xét nghiệm trực tiếp và gián tiếp (DAT và IAT),tầm soát và định danh kháng thể, xác định tương thích máu. Thành phần: 6 vi ống chứa anti-human globulin anti-IgG nguồn gốc từ thỏ. Loại mẫu: có thể làm được mẫu máu trong chất chống đông citrate hoặc EDTA hoặc CPD-A hoặc trong ống không có chất chống đông. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy định nhóm máu bán tự động DiaMed.	Card	3.220	966
31	Dung dịch pha loãng hồng cầu	Thành phần: Chứa dung dịch cường độ Ion thấp đã được điều chỉnh để phù hợp với pha loãng hồng cầu. Loại mẫu: có thể làm được mẫu máu trong chất chống đông citrate, EDTA hoặc CPD-A hoặc trong ống không có chất chống đông. Có chứa chất bảo quản. Hộp từ 500ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy định nhóm máu bán tự động DiaMed.	Hộp	18	5

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
32	Hóa chất điện di định lượng Protein Huyết thanh	Bộ kit phân tách huyết thanh người trong dung dịch đệm kiểm bằng phương pháp điện di mao quản Protein huyết thanh thông thường sẽ tách thành 6 phần chính. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện di protein Minicap	hộp	9	2
33	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa các mao quản cho các thiết bị điện di Hộp từ 150ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện di protein Minicap	hộp	2	0
34	Dung dịch ly giải	Hóa chất vệ sinh đầu dò mẫu trên thiết bị tự điện di Hộp từ 25ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện di protein Minicap	hộp	2	0
35	Hóa chất kiểm chuẩn Protein	Huyết thanh kiểm chuẩn được sử dụng để kiểm soát chất lượng protein, lipoprotein, cholesterol và apolipoprotein trong huyết thanh người bằng quy trình điện di Dạng bột đông khô Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện di protein Minicap	hộp	4	1
36	Hóa chất kiểm chuẩn Protein Hypergamma	Huyết thanh đối chứng tăng gamma được sử dụng để kiểm soát chất lượng định lượng điện di protein Dạng bột đông khô Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện di protein Minicap	hộp	4	1
37	Thẻ định danh kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram dương hiệu khí và kỵ khí tùy nghi. Có 45 giếng cơ chất hóa sinh và 2 giếng huỳnh quang. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy BD Phoenix	Test	300	90

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
38	Thẻ định danh, kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm	Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi Có 45 giếng cơ chất hóa sinh và 2 giếng huỳnh quang. Có kháng sinh Ceftazidime/Avibactam Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy BD Phoenix	Test	900	270
39	Chỉ thị kháng sinh đồ AST Indicator	Thành phần (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): Chỉ thị Redox nhỏ hơn 3g, Chất ổn định redox nhỏ hơn 20g Lọ từ 6ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy BD Phoenix	Lọ	8	2
40	Canh trường làm kháng sinh đồ AST Broth	Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết) Canh trường Mueller Hinton 22g , Polysorbate 80 0,01%. Quy cách tối thiểu: 8 ml/ống trở lên. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy BD Phoenix	Ống	1.200	360
41	Canh trường định danh ID Broth	Thành phần (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): 7,5g Potassium chloride , 0,5g Calcium chloride, 0,895g Tricine glycine, Polysorbate 80 0,025%,. Quy cách tối thiểu: 4,5 ml/ống trở lên. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy BD Phoenix	Ống	1.200	360
42	Hoá chất Hemoglobin không có Cyanua	Thành phần gồm: Quaternary Ammonium Salt (<10%), Hydroxylamine Salt (<3%) Thùng từ 3,8 lít trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy CELLDYN RUBY 30 thông số.	Thùng	69	20

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
43	Dung dịch pha loãng/ phá hồng cầu	Thành phần: Sodium Phosphate, Dibasic, Potassium Phosphate, Monobasic, Disodium EDTA, Dihydrate, Sodium Chloride, Potassium Chloride. Thùng từ 20 lít trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với máy CELLDYN RUBY 30 thông số.</u>	Thùng	552	165
44	Dung dịch ly giải bạch cầu	Thành phần gồm : Chất đệm, Aromatic Oxy-Alcohol, Polyoxyethylene Ether Thùng từ 3,8 lít trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với máy CELLDYN RUBY 30 thông số.</u>	Thùng	299	89
45	Hóa chất tẩy rửa sử dụng cho máy huyết học	Hóa chất tẩy rửa sử dụng trên máy huyết học Hộp từ 100ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với máy CELLDYN RUBY 30 thông số.</u>	Hộp	11	3
46	Hóa chất hiệu chứng cho xét nghiệm huyết học	Hóa chất hiệu chứng cho thực hiện QC huyết học Máu toàn phần. Thành phần gồm: các nguyên vật liệu ổn định, dùng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác của các kết quả hemogram, biệt hóa WBC, và hồng cầu lưới; mẫu chứng được sử dụng và phân tích như mẫu bệnh phẩm, và có ba mức nồng độ đại diện cho kết quả huyết đồ thấp/hồng cầu lưới cao, huyết đồ bình thường/hồng cầu lưới trung bình, huyết đồ cao/hồng cầu lưới thấp. Loại đóng gói từ 18ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với máy CELLDYN RUBY 30 thông số.</u>	Hộp	13	3
47	Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm hồng cầu lưới	Hóa chất được sử dụng cùng với phân mềm xét nghiệm hồng cầu lưới trên máy phân tích huyết học để phân tích hồng cầu lưới cho mẫu máu toàn phần. Thành phần: Dung dịch muối đệm Phosphate chứa Xanh Methylene, potassium oxalate và n-dodecyl β-D-maltoside. Hộp từ 370 mL trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với máy CELLDYN RUBY 30 thông số.</u>	Hộp	2	0

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
48	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm đái tháo đường, 2 mức nồng độ	Hóa chất nội kiểm cho xét nghiệm đái tháo đường, 2 mức nồng độ . Thành phần: máu toàn phần từ người, dạng đông khô. Bao gồm 2 mức nồng độ với các xét nghiệm Hemoglobin (Total), Hemoglobin A1C, Hemoglobin F Có giá trị tham chiếu cho máy sinh hoá phổ biến Quy cách hộp tối thiểu: 6 lọ x 0,5ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	6	1
49	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm đông máu, mức 1	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm đông máu, mức nồng độ 1 - Thành phần: Huyết tương người, dạng đông khô - Có giá trị tham chiếu cho các máy đông máu phổ biến. Quy cách hộp tối thiểu: 12 lọ x 1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	16	4
50	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm đông máu, mức 2	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm đông máu, mức nồng độ 2 - Thành phần: Huyết tương người, dạng đông khô - Có giá trị tham chiếu cho các máy đông máu phổ biến. Quy cách hộp tối thiểu: 12 lọ x 1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	16	4
51	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm đông máu, mức 3	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm đông máu, mức nồng độ 3 - Hóa chất sử dụng trong các chương trình nội kiểm - Thành phần: Huyết tương người, dạng đông khô - Có giá trị tham chiếu cho các máy đông máu phổ biến. Quy cách hộp tối thiểu: 12 lọ x 1ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	16	4
52	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức 1	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 1. - Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi Lọ từ 12ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	27	8

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
53	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức 2	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 2. - Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi Lọ từ 12ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	27	8
54	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm miễn dịch, mức 1	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 1 - Thành phần: Huyết tương người, dạng đông khô - Gồm hơn 70 thông số xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến. Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động phổ biến Lọ từ 5ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	8	2
55	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm miễn dịch, mức 2	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 2 - Thành phần: Huyết tương người, dạng đông khô - Gồm hơn 70 thông số xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến. Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động phổ biến Lọ từ 5ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	8	2
56	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm miễn dịch, mức 3	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 3 - Thành phần: Huyết tương người, dạng đông khô - Gồm hơn 70 thông số xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến. Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động phổ biến Lọ từ 5ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	8	2
57	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức 1	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức nồng độ 1 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Gồm 24 thông số xét nghiệm bao gồm Cyfra 21-1, CA72-4. Có thể dùng cho cả xét nghiệm dấu ấn ung thư thường quy và đặc hiệu. Lọ từ 2ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	4	1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
58	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức 2	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức nồng độ 2 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Gồm 24 thông số xét nghiệm bao gồm Cyfra 21-1, CA72-4. Có thể dùng cho cả xét nghiệm dấu ấn ung thư thường quy và đặc hiệu. Lọ từ 2ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	4	1
59	Hóa chất nội kiểm sử dụng cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức 3	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, mức nồng độ 3 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - gồm 24 thông số xét nghiệm bao gồm Cyfra 21-1, CA72-4. Có thể dùng cho cả xét nghiệm dấu ấn ung thư thường quy và đặc hiệu. Lọ từ 2ml trở lên Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Lọ	4	1
60	Dịch phủ tiêu bản, chống bay hơi, cung cấp môi trường ổn định	Là một dung dịch phủ pha sẵn, là lớp bảo vệ giữa các thuốc thử tan trong nước và không khí. Cung cấp môi trường ổn định ở dạng nước cho các phản ứng hóa mô miễn dịch. Thành phần: hydrocarbon no, tỉ trọng thấp và dầu khoáng. Thể tích: Hộp từ 2 lít trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	575	172
61	Dung dịch đệm rửa tiêu bản và cung cấp môi trường ổn định	Dung dịch được sử dụng để rửa tiêu bản giữa các bước nhuộm và cung cấp môi trường ổn định ở dạng nước cho các ứng dụng hóa mô miễn dịch. Thành phần: dung dịch đệm TRIS , 0,05% ProClin 300 và chất bảo quản. Thể tích: Hộp từ 2 lít trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	138	41

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
62	Thuốc thử hỗ trợ hiện màu kháng thể đặc hiệu gắn kết kháng nguyên bằng cách tạo kết tủa màu nâu	Bộ kit được dùng để xác định các đích bằng phương pháp hóa mô miễn dịch trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin và mô đông lạnh. Thành phần: khoảng 55 µg/mL hỗn hợp kháng thể đánh dấu HRP (IgG kháng chuột từ dê, IgM kháng chuột từ dê, và kháng thể kháng thỏ từ dê) trong đệm chứa protein và chất bảo quản ProClin 300; 0,2% 3,3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride trong dung dịch chứa chất ổn định; 0,04% hydrogen peroxide trong dung dịch đệm phosphate; đồng sulfate (5g/L) trong đệm acetate với chất bảo quản. Hộp từ 250 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	101	30
63	Thuốc thử điều chỉnh màu của chất nhuộm tương phản hematoxylin	Dung dịch này được sử dụng để điều chỉnh màu của chất nhuộm tương phản hematoxylin thành màu xanh dương trên hệ thống máy Benchmark Thành phần: dung dịch lithium carbonate 0,1 M trong sodium carbonate 0,5 M Hộp từ 250 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	105	31
64	Thuốc thử nhuộm tương phản dùng để nhuộm nhân tế bào	Dung dịch này được sử dụng để nhuộm nhân tế bào trên tiêu bản chứa các tế bào từ mô lạnh hoặc mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin trên hệ thống máy Benchmark. Thành phần: 25ml Hematoxylin II (≤ 60%), chứa glycol và acid acetic ổn định dung dịch. Hộp từ 250 test trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	105	31
65	Dung dịch bộ lọc kháng nguyên 1	Là một dung dịch pha sẵn với vai trò là bước tiền xử lý trong quá trình xử lý mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin và mẫu tế bào trong phương pháp hóa mô miễn dịch, lai tại chỗ, và hóa tế bào miễn dịch trên hệ thống máy Benchmark. Thành phần: dung dịch đệm Tris, và 0,05% ProClin 950 và chất bảo quản. Hộp từ 2 lít trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	105	31
66	Dung dịch khử paraffin khỏi mẫu mô và pha loãng dung dịch rửa	Được dùng để khử paraffin khỏi mẫu mô trong các phản ứng hóa mô miễn dịch và lai tại chỗ và dùng để pha loãng dung dịch đệm, được sử dụng trên máy rửa tiêu bản tự động Thành phần: khoảng 30% dung dịch khử paraffin và 0,5% ProClin 300, một chất bảo quản. Hộp từ 2 lít trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	57	17

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
67	Dung dịch rửa tiêu bản và cung cấp môi trường ổn định	Dung dịch đệm Sodium Chloride Sodium Citrate được sử dụng trong quá trình rửa nghiệm ngặt và để rửa tiêu bản giữa các bước nhuộm và cung cấp môi trường ổn định ở dạng nước. Thành phần: natri chloride, đệm natri citrate, 0,05% ProClin 300... Thể tích: hộp 2 lít trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1
68	Thuốc thử tăng cường độ màu phản ứng hóa mô miễn dịch	Bộ kit được sử dụng để nhuộm định tính mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin hoặc mô đông lạnh. Thành phần: dung dịch chứa tyramide gắn chất kết nối mang HQ (<40 µg/mL) trong dung dịch chứa chất bảo quản ProClin 300; kháng thể chuột kháng HQ:HRP (<10 µg/mL) pha loãng trong dung dịch chứa chất bảo quản ProClin 300 ;dung dịch H2O2 0.04% Hộp từ 50 test trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	13	3
69	Thuốc thử hỗ trợ hiện màu kháng thể đặc hiệu gắn kết kháng nguyên	Bộ kit được dùng để xác định các đích bằng phương pháp hóa mô miễn dịch trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin và mô đông lạnh. Thành phần: dung dịch hydrogen peroxide 3.0%; khoảng 50 µg/mL hỗn hợp kháng thể đánh dấu HQ (HQ là một hapten thích hợp để gắn cộng hợp với kháng thể từ dê) trong đệm chứa protein và 0.05% chất bảo quản ProClin 300; khoảng 40 µg/mL kháng thể thứ 3 đơn dòng từ chuột kháng HQ được đánh dấu với HRP trong đệm chứa protein và 0.05% chất bảo quản ProClin 300; 0.2% 3, 3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride (DAB) trong dung dịch chứa chất ổn định và chất bảo quản tương thích; 0.04% hydrogen peroxide trong dung dịch đệm phosphate; đồng sulfate (5.0 g/L) trong đệm acetate với chất bảo quản thích hợp Hộp từ 250 test trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1
70	Thuốc thử xét nghiệm Progesterone Receptor (PR)	Được dùng để phát hiện định tính kháng nguyên thụ thể progesterone (PR) trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ kháng trực tiếp kháng nguyên PR người. Hộp từ 50 test trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	41	12

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
71	Thuốc thử xét nghiệm Ki-67	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch protein Ki-67 dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 10 µg (2 µg/mL) kháng thể đơn dòng từ thỏ kháng trực tiếp Ki-67 có trong mô Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	48	14
72	Thuốc thử xét nghiệm Estrogen Receptor	Được dùng để phát hiện định tính kháng nguyên thụ thể estrogen (ER) trên các lát cắt mô vú được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ kháng trực tiếp kháng nguyên ER của người. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	46	13
73	Thuốc thử xét nghiệm Chromogranin A	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch Chromogranin A dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 5 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1
74	Thuốc thử xét nghiệm CD20	Được dùng trong phòng xét nghiệm để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch CD20 dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 1,5 µg kháng thể (L26) đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	11	3
75	Thuốc thử xét nghiệm Pan Keratin	Thể hiện kiểu bắt màu tế bào chất và được sử dụng để hỗ trợ trong việc xác định các tế bào biểu mô bình thường và bất thường và hỗ trợ xác định dòng khối u, dùng để nhuộm định tính trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 231,5 µg hỗn hợp kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	11	3

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
76	Thuốc thử xét nghiệm CD3	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch CD3 dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: Khoảng 2 µg kháng thể (2GV6) đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.</u>	Hộp	11	3
77	Thuốc thử xét nghiệm Cytokeratin 20	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch Cytokeratin 20 (CK20) dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 9,5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.</u>	Hộp	16	4
78	Thuốc thử xét nghiệm p63	Thể hiện kiểu bắt màu nhân và có thể sử dụng để hỗ trợ trong phân biệt thương tổn tuyến tiền liệt hoặc vú lành tính và ác tính và trong ung thư phổi tế bào vảy và ung thư tuyến phổi. Được dùng để nhuộm định tính trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 0,7 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.</u>	Hộp	9	2
79	Thuốc thử xét nghiệm Cytokeratin 7	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch Cytokeratin 7 (CK7) dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 2,5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.</u>	Hộp	20	6
80	Thuốc thử xét nghiệm Cytokeratin 5/6	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch Cytokeratin 5 dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 28 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.</u>	Hộp	9	2

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
81	Thuốc thử xét nghiệm CD15	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch CD15 dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 56 µg kháng thể đơn dòng từ chuột Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1
82	Thuốc thử xét nghiệm Desmin	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch desmin dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 25 µg kháng thể đơn dòng từ chuột kháng trực tiếp desmin có trong mô. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1
83	Thuốc thử xét nghiệm Actin, Smooth Muscle	Được dùng để phát hiện protein smooth muscle actin trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm trở lên. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Lớp kháng thể: IgG/k Hộp từ 50 test trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1
84	Thuốc thử xét nghiệm S100	Được sử dụng để hỗ trợ trong việc xác định sự bình thường và bất thường của các tế bào thuộc dòng thần kinh và thần kinh nội tiết. Thành phần: khoảng 50 µg kháng thể đa dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1
85	Thuốc thử xét nghiệm Vimentin	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch vimentin dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 12,5 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4	1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
86	Thuốc thử xét nghiệm CD30	Được dùng để phát hiện protein CD30 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 6 µg kháng thể (Ber-H2) đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1
87	Thuốc thử xét nghiệm CD34	Được dùng để định tính CD34 bằng kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 4 µg kháng thể đơn dòng từ chuột kháng trực tiếp CD34 có trong mô. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4	1
88	Thuốc thử xét nghiệm CD68	Được dùng để nhuộm định tính trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 2 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
89	Thuốc thử xét nghiệm Melanosome	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch protein PreMelanosome (PMEL) dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 2,5 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
90	Thuốc thử xét nghiệm Synaptophysin	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch synaptophysin dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 0,3 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9	2

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
91	Thuốc thử xét nghiệm EMA	Được sử dụng để hỗ trợ việc xác định kháng nguyên trên màng biểu mô trong ung thư tuyến có nguồn gốc từ biểu mô bài tiết, u trung biểu mô ác tính, ung thư biểu mô tế bào thận và u màng não, được dùng để nhuộm định tính trên các lát cắt được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 2,5 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4	1
92	Thuốc thử xét nghiệm CD99	Được sử dụng để hỗ trợ xác định sarcom Ewing và các khối u ngoại bì thần kinh ngoại biên có liên quan, được dùng để nhuộm định tính trên các lát cắt được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 2,5 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
93	Thuốc thử xét nghiệm Napsin A	Được dùng để phát hiện protein Napsin A trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9	2
94	Thuốc thử xét nghiệm CEA	Được để phát hiện Glycoprotein CEA trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
95	Thuốc thử xét nghiệm bcl-2	Được sử dụng để hỗ trợ trong việc xác định u lympho nang và u lympho tế bào lớn, nhuộm định tính trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 1,0 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	11	3
96	Thuốc thử xét nghiệm Thyroid Transcription Factor-1	Được sử dụng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch yếu tố phiên mã tuyến giáp 1 dưới kính hiển vi quang học trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 28,5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	18	5
97	Thuốc thử xét nghiệm p53	Được sử dụng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch protein dưới kính hiển vi quang học trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 12,5 µg kháng thể đơn dòng từ chuột kháng trực tiếp epitope hiện diện trên kháng thể p53 người. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9	2
98	Thuốc thử xét nghiệm Thyroglobulin	Được sử dụng để phát hiện Thyroglobulin trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4	1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
99	Thuốc thử xét nghiệm Myogenin	Được sử dụng để phát hiện protein myogentin trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
100	Thuốc thử xét nghiệm bcl-6	Được sử dụng để phát hiện protein bcl-6 trong mô được cố định bằng formalin-vùi trong paraffin Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	13	3
101	Thuốc thử xét nghiệm CD21	Được sử dụng để phát hiện protein CD21 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Một ống thuốc thử kháng thể CD21 (EP3093) chứa thuốc thử đã được pha loãng đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: thỏ Nguồn: Dịch nổi Hộp 50 test trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
102	Thuốc thử xét nghiệm CD138/syndecan-1	Được sử dụng để phát hiện protein CD138/syndecan-1 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: chứa thuốc thử đã được pha loãng đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và Natri Azide < 0.1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
103	Thuốc thử xét nghiệm Cytokeratin 19	Được sử dụng để phát hiện protein Cytokeratin 19 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đã được pha loãng đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4	1
104	Thuốc thử xét nghiệm ALK1 trong chẩn đoán u lympho	Được sử dụng để nhuộm định tính các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa khoảng 25 µg (5 µg/mL) kháng thể đơn dòng từ chuột kháng trực tiếp protein p80 hiện diện trong mô Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
105	Thuốc thử xét nghiệm WT1	Được sử dụng để phát hiện protein WT1 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: chuột Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1
106	Thuốc thử xét nghiệm CD23	Được sử dụng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch CD23 dưới kính hiển vi quang học trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: chứa khoảng 2,5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4	1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
107	Thuốc thử xét nghiệm PAX5	Được sử dụng để nhuộm định tính trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin, được sử dụng hỗ trợ trong xác định tế bào bình thường hay dòng ung thư nội tiết của dòng tế bào lympho B. Thành phần: chứa khoảng 5 µg kháng thể đơn dòng tái tổ hợp từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4	1
108	Thuốc thử xét nghiệm CD4	Được sử dụng để định tính CD4 trên các lát cắt mô thường và mô ung thư được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa khoảng 12,5 µg kháng thể đơn dòng tái tổ hợp từ thỏ. Vật chủ: thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
109	Thuốc thử xét nghiệm CD79a	Được sử dụng để phát hiện CD79a trong mô bình thường và mô ung thư người. Anti-CD79a kháng trực tiếp một protein biểu hiện trên bề mặt tế bào lympho B ở tất cả các giai đoạn trưởng thành, từ tiền tế bào lympho B qua tế bào huyết tương. Thành phần: chứa khoảng 1,5 µg kháng thể (SP18) đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
110	Thuốc thử xét nghiệm CD10	Được sử dụng trong phòng xét nghiệm để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch CD10 dưới kính hiển vi quang học trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa khoảng 24,5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	11	3
111	Thuốc thử xét nghiệm Cyclin D1	Thể hiện kiểu bắt màu nhân và có thể được sử dụng để hỗ trợ trong việc xác định u lympho tế bào vò và ung thư vú, được dùng để nhuộm định tính trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa khoảng 0,5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9	2

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
112	Thuốc thử xét nghiệm CD5	Được sử dụng để nhuộm định tính trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin, được sử dụng để hỗ trợ trong việc xác định u lympho tế bào T và loại u lympho tế bào B nào đó, bao gồm u lympho tế bào vỏ. Thành phần: chứa khoảng 4 µg kháng thể (SP19) đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9	2
113	Thuốc thử xét nghiệm MSH6	Được sử dụng để phát hiện định tính protein MSH6 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa khoảng 5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4	1
114	Thuốc thử xét nghiệm CD8	Được sử dụng để nhuộm định tính trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin, hỗ trợ trong việc xác định u lympho tế bào T và xác định các phân nhóm tế bào T độc/ức chế trong các tế bào lympho T trong mô bình thường. Thành phần: chứa khoảng 51 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
115	Thuốc thử xét nghiệm Calretinin	Được sử dụng để nhuộm định tính trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin, hỗ trợ trong việc xác định u trung biểu mô và phân biệt u trung biểu mô với ung thư tuyến. Thành phần: chứa khoảng 30 µg kháng thể (SP65) đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1
116	Thuốc thử xét nghiệm HER2/neu	Được sử dụng để bán định lượng kháng nguyên HER2 trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin của mô vú và dạ dày bình thường và tăng sinh. Thành phần: chứa khoảng 30 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ kháng trực tiếp kháng nguyên HER2 người. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	39	11

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
117	Thuốc thử xét nghiệm MUM1	Được sử dụng để phát hiện protein MUM1 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đã được pha loãng đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9	2
118	Thuốc thử xét nghiệm DOG1	Được sử dụng để phát hiện protein DOG-1 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đã được pha loãng đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
119	Thuốc thử xét nghiệm Synaptophysin (I)	Được sử dụng để phát hiện Synaptophysin glycoprotein trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin, được sử dụng trong chẩn đoán in vitro. Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với 1% BSA và <0,1% Natri Azide Vật chủ: thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
120	Thuốc thử xét nghiệm MLH1	Được sử dụng để phát hiện định tính protein MLH1 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 5 µg kháng thể đơn dòng từ chuột Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4	1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
121	Thuốc thử xét nghiệm ALK trong chẩn đoán ung thư phổi	Được sử dụng để phát hiện protein bạch huyết bào kinase tự ghép trong mô ung thư phổi không tế bào nhỏ được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: khoảng 70 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ (D5F3). Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9	2
122	Thuốc thử xét nghiệm định tính protein p16INK4a	Được sử dụng để định tính protein p16INK4a trên lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin từ sinh thiết cổ tử cung, được sử dụng kết hợp với các tiêu bản nhuộm H&E được chuẩn bị từ mẫu mô cổ tử cung để tăng độ chính xác cho chẩn đoán. Thành phần: khoảng 5,0 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	9	2
123	Thuốc thử xét nghiệm CDX-2	Được sử dụng để phát hiện protein CDX-2 trong mô người được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1
124	Thuốc thử xét nghiệm PD-L1 dùng chẩn đoán ung thư phổi	Được sử dụng để phát hiện định tính protein phổi từ chết theo chương trình 1 (PD-L1) trong mô ung thư phổi không tế bào nhỏ (NSCLC) được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin (FFPE) và các mô khối u khác. Thành phần: khoảng 8 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1
125	Thuốc thử xét nghiệm CD117	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch protein CD117 dưới kính hiển vi quang học trên các lát mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 0,5 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
126	Thuốc thử xét nghiệm Mammaglobin	Được sử dụng để phát hiện glycoprotein Mammaglobin trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.</u>	Hộp	2	0
127	Thuốc thử xét nghiệm CD45 (LCA)	Được sử dụng để phát hiện protein CD45 (LCA) trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: Chuột Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.</u>	Hộp	6	1
128	Thuốc thử xét nghiệm CD56	Được sử dụng để phát hiện protein CD56 trên mô người được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.</u>	Hộp	6	1
129	Thuốc thử hỗ trợ hiện màu đỏ trong lai tại chỗ	Được sử dụng để xác định các đích bằng phương pháp lai tại chỗ, gắn chất tạo màu đỏ trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: khoảng 7,5 µg/mL kháng thể đánh dấu hapten kháng DIG trong một dung dịch đệm chứa protein và phosphate với 0,05% dung dịch ProClin. , một chất bảo quản. Hộp từ 60 test trở lên. Hoặc tương đương <u>Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.</u>	Hộp	6	1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
130	Dung dịch đệm trong formamide sử dụng với xét nghiệm lai tại chỗ	Là dung dịch đệm trong formamide được sử dụng với các xét nghiệm lai tại chỗ trên các dòng máy Benchmark XT Thành phần: dung dịch đệm tiền lai có nồng độ khoảng 55% formamide. Hộp 25ml trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
131	Dung dịch cung cấp môi trường nước phù hợp trên tiêu bản trước bước phản ứng hóa học phát hiện bạc	Được sử dụng trong phòng xét nghiệm để cung cấp môi trường nước phù hợp trước bước phản ứng hóa học để phát hiện bạc Thành phần: chứa đệm citrate khoảng 0,5 M và khoảng 0,1% ProClin 300 Chai có thể tích từ 2 Lít trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	13	3
132	Dung dịch bột kháng nguyên 2	Là một dung dịch dùng như bước tiền xử lý trong quá trình xử lý mẫu mô trong phản ứng nhuộm hóa mô miễn dịch và lai tại chỗ Thành phần: dung dịch đệm citrate, và 5% ethylene glycol, và 0,05% ProClin 300, một chất bảo quản. Chai từ 1 lít trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1
133	Thuốc thử hỗ trợ hiện màu đen trong lai tại chỗ	Là một hệ thống gián tiếp để phát hiện các đích đã đánh dấu DNP. Thành phần: đủ cho 60 xét nghiệm gồm: khoảng 12,5 µg/mL kháng thể kháng DNP đánh dấu hapten trong một dung dịch đệm chứa protein và phosphate với 0,05% dung dịch ProClin, một chất bảo quản. khoảng 25 µg/mL kháng thể kháng HQ và liên hợp với enzym peroxylase trong một dung dịch đệm chứa protein và phosphate với 0.05% dung dịch ProClin 300, một chất bảo quản. khoảng 1% CH3COOAg trong một dung dịch có nước. khoảng 1% C6H6O2 trong một dung dịch có nước. khoảng 0,2% H2O2 trong một dung dịch có nước. Hộp từ 60 test trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
134	Vật liệu kiểm soát âm tính xét nghiệm hóa mô miễn dịch để xác định sự gắn kết không đặc hiệu của globulin miễn dịch từ thỏ	Được dùng làm mẫu vật liệu kiểm soát cho sự gắn kết không đặc hiệu của globulin miễn dịch từ thỏ trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Thành phần: chứa khoảng 250 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 250 test trở lên Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
135	Thuốc thử xét nghiệm p40	Được dùng để phát hiện protein p40 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa khoảng 2,0 µg kháng thể đơn dòng từ chuột. Hộp từ 50 test trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	13	3
136	Thuốc thử xét nghiệm c-MYC	Được dùng để phát hiện định tính bằng phương pháp hóa mô miễn dịch protein c-MYC dưới kính hiển vi quang học trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa khoảng 120 µg kháng thể đơn dòng từ thỏ. Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	6	1
137	Thuốc thử xét nghiệm GATA3	Được dùng để phát hiện protein GATA3 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa lượng kháng thể đủ dùng cho 50 xét nghiệm Kháng thể được hòa tan trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: Chuột Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4	1
138	Thuốc thử xét nghiệm PAX8	Được dùng để phát hiện protein PAX8 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa thuốc thử đủ cho 50 xét nghiệm. Pha loãng trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: Chuột Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT..	Hộp	6	1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
139	Thuốc thử xét nghiệm SOX-10	Được dùng để phát hiện protein SOX-10 trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thành phần: chứa lượng kháng thể đủ dùng cho 50 xét nghiệm Kháng thể được hòa tan trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: Thỏ Hộp từ 50 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	4	1
140	Thuốc thử xét nghiệm bán định lượng trạng thái gen HER2 bằng phương pháp lai tại chỗ	Được dùng để xác định trạng thái gen HER2 bằng phương pháp đếm tỉ lệ gen HER2 so với nhiễm sắc thể 17 dưới kính hiển vi quang học. Thành phần: chứa khoảng 14 µg/mL các đoạn dò HER2 đánh dấu dinitrophenyl (DNP) và 0,24 µg/mL của các đoạn dò Nhiễm sắc thể 17 đánh dấu digoxigenin (DIG) kết hợp trong dung dịch đệm lai hóa gốc formamide. Hộp từ 30 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	11	3
141	Dung dịch enzyme phân cắt protein trong lát cắt mô trong ứng dụng lai tại chỗ 3	Được dùng để phân cắt bằng enzyme các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin hoặc mẫu tế bào. Thành phần: chứa khoảng 0,24 casein U/mL, trong dung dịch đệm Tris ổn định enzyme có chứa natri azide. Hộp từ 200 test trở lên. Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
142	Vật liệu thẩm định khi cài đặt xét nghiệm ban đầu và/hoặc trong xử lý sự cố trong lai tại chỗ hai màu HER2	Thành phần: Mỗi tiêu bản chứa ba dòng tế bào ung thư biểu mô người khác nhau được cố định trong formalin, vùi trong paraffin, mỗi tiêu bản với một trạng thái gen HER2 khác nhau đại diện cho khoảng động học, được tạo ra như ở khối u (ghép ngoại lai) trong chuột SCID. Hộp từ 10 slide trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
143	Thuốc thử xét nghiệm Arginase-1	Thành phần: chứa lượng kháng thể đủ dùng cho 50 xét nghiệm Kháng thể được hòa tan trong đệm Tris, pH 7,3-7,7, với BSA 1% và Natri Azide < 0,1% Vật chủ: Thỏ - Hộp từ 50 test trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
144	Thuốc thử xét nghiệm Epstein-Barr Virus Early RNA (EBER)	Thành phần: khoảng 750 ng/mL đoạn dò đánh dấu huỳnh quang, được pha với fish blocking DNA trong dung dịch đệm lai gốc formamide - Hộp từ 50 test trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Hộp	2	0
145	Mực in mã vạch	1 cuộn ruy băng mực in đủ in 8100 nhãn trở lên Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Cuộn	4	1
146	Sticker dán lam	1 cuộn chứa từ 500 nhãn trắng trở lên, dùng để in nhãn cho xét nghiệm nhuộm hóa mô miễn dịch Hoặc tương đương Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana – Benchmark XT.	Cuộn	69	20
147	Bộ kit xét nghiệm ung thư cổ tử cung	Bộ xét nghiệm tế bào nhúng dịch sàng lọc ung thư cổ tử cung với công nghệ màng lọc Mục đích sử dụng: tầm soát tế bào ung thư cổ tử cung Thành phần: 1 dung dịch đệm bảo quản (có thể tích ≥ 20 ml) có thành phần chính: $\geq 50\%$ methanol. Có nồng độ pH: $5,6 \pm 0,5$. Thời gian bảo quản tế bào ≥ 6 tuần ở nhiệt độ thường. 1 màng lọc: hình trụ, bằng nhựa, đường kính ≥ 2 cm với một màng polycarbonate gắn ở cuối hình trụ, kích thước lỗ lọc ≤ 8 micron 1 lam kính: Làm bằng thủy tinh, tích điện dương: 01 chổi lấy mẫu tế bào cổ tử cung: Được làm bằng nhựa PE Đạt tiêu chuẩn FDA/CE. Xuất xứ: G7/Châu Âu. Hoặc tương đương Sử dụng thích hợp với máy xét nghiệm tế bào Thin-Prep 2000 processor.	Kít	6.773	2.031
148	Dung dịch pha loãng máu toàn phần dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch pha loãng máu toàn phần dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Công dụng: sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu. Thành phần: Sodium chloride $\geq 0,7\%$; Tris buffer $\geq 0,2\%$; EDTA-2K $\geq 0,02\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	Lít	9.200	2.760

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
149	Thuốc thử ly giải để đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thuốc thử ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Công dụng: ly giải các tế bào hồng cầu để phân loại các tế bào bạch cầu, bạch cầu ái kiềm, hồng cầu có nhân và đếm số lượng Thành phần: Muối amoni hữu cơ bậc bốn $\geq 0,20\%$, Chất hoạt động bề mặt không ion $\geq 0,10\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	Lít	345	103
150	Thuốc thử ly giải để đếm số lượng các loại bạch cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thuốc thử ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Công dụng: ly giải các tế bào hồng cầu và nhuộm các thành phần tế bào bạch cầu, để đếm số lượng các loại bạch cầu trung tính, bạch cầu mono, bạch cầu lympho và bạch cầu ái toan Thành phần: Chất điện hoạt không ion hóa: $\geq 0,17\%$; Muối amoni hữu cơ bậc bốn $\geq 0,07\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	Lít	345	103
151	Dung dịch đo hemoglobin trong máu dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thuốc thử xác định hemoglobin trong máu dùng cho máy xét nghiệm huyết học Công dụng: đo nồng độ hemoglobin trong máu. Thành phần: Sodium lauryl sulfate $\geq 1,7$ g/L. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	131.100	39.330
152	Thuốc thử đánh dấu hồng cầu lưới dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thuốc thử đánh dấu hồng cầu lưới dùng cho máy xét nghiệm huyết học Công dụng: đánh dấu tế bào hồng cầu lưới trong mẫu máu đã được pha loãng. Thành phần: Polymethine $\geq 0,03\%$; methanol $\geq 7,9\%$; Ethylene Glycol $\geq 92\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	110	33
153	Dung dịch pha loãng máu toàn phần để xét nghiệm hồng cầu lưới và tiểu cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch pha loãng máu toàn phần để xét nghiệm hồng cầu lưới và tiểu cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học Công dụng: sử dụng trong phân tích hồng cầu lưới và trong phân tích tiểu cầu. Thành phần: Tricine buffer $\geq 0,17\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	Lít	6	1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
154	Hóa chất rửa máy dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất rửa máy dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Công dụng: dung dịch kiềm sử dụng để rửa hệ thống máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: Sodium Hypochloride (nồng độ Clo khoảng 5,0%). Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	2.208	662
155	Thuốc thử đánh dấu các loại tế bào có nhân dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thuốc thử đánh dấu các loại tế bào có nhân dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Công dụng: đánh dấu các tế bào có nhân trong các mẫu máu đã được pha loãng để đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu ái kiềm, số lượng tế bào hồng cầu có nhân. Thành phần: Polymethine $\geq 0,005\%$; Ethylene Glycol $\geq 99,9\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	4.903	1.470
156	Thuốc thử đánh dấu các loại tế bào bạch cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thuốc thử đánh dấu các tế bào bạch cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Công dụng: sử dụng để đánh dấu các tế bào bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải Thành phần: Polymethine $\geq 0,002\%$; Methanol $\geq 3,0\%$; Ethylene Glycol $\geq 96,9\%$. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	5.409	1.622
157	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần mức 1 dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần mức 1 dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: bao gồm các tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, hồng cầu có nhân ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	82	24
158	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần mức 2 dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần mức 2 dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: bao gồm các tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, hồng cầu có nhân ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	82	24
159	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần mức 3 dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần mức 3 dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: bao gồm các tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, hồng cầu có nhân ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương.	ml	82	24
160	Đĩa chứa mẫu 0,3 mL	Đĩa đựng mẫu thực hiện phản ứng PCR. - Đĩa $\geq 0,3\text{ml}$ hoặc tương đương.	Cái	575	172

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
161	Bộ hóa chất dùng tách chiết DNA tự do (cfDNA) từ mẫu huyết tương theo phương pháp Real-time PCR.	Bộ xét nghiệm dùng tách chiết DNA tự do (cfDNA) từ mẫu huyết tương theo phương pháp Real-time PCR gồm các loại vật tư y tế và hóa chất đủ để thực hiện 1 mẫu trên 1 lần chạy. Hoặc tương đương	Test	55	16
162	Bộ xét nghiệm định tính và bán định lượng các loại đột biến của gen EGFR theo phương pháp Real-time PCR.	Bộ xét nghiệm định tính và bán định lượng các loại đột biến của gen EGFR theo phương pháp Real-time PCR gồm các loại vật tư y tế và hóa chất đủ để thực hiện 1 mẫu trên 1 lần chạy. Hoặc tương đương	Test	949	284
163	Bộ chuẩn bị mẫu để phân lập DNA bộ gen từ mẫu mô	Bộ chuẩn bị mẫu để phân lập DNA bộ gen từ mẫu mô bằng kỹ thuật Real-time PCR gồm các loại vật tư y tế và hóa chất đủ để thực hiện 1 mẫu trên 1 lần chạy. Hoặc tương đương	Test	1.173	351
164	Bộ xét nghiệm định tính các đột biến của gen KRAS theo phương pháp Real-time PCR.	Bộ xét nghiệm định tính các đột biến của gen KRAS bằng kỹ thuật Real-time PCR gồm các loại vật tư y tế và hóa chất đủ để thực hiện 1 mẫu trên 1 lần chạy. Hoặc tương đương	Test	220	66
165	Bộ hóa chất chuẩn bị mẫu cho xét nghiệm PCR.	Bộ hóa chất chuẩn bị mẫu cho xét nghiệm PCR gồm các loại hóa chất đủ để thực hiện 1 mẫu trên 1 lần chạy. Hoặc tương đương.	Test	8.326	2.497
166	Bộ hóa chất rửa dùng cho xét nghiệm PCR.	Bộ hóa chất rửa dùng cho xét nghiệm PCR gồm các loại hóa chất đủ để thực hiện 1 mẫu trên 1 lần chạy. Hoặc tương đương.	Test	8.326	2.497
167	Bộ dung dịch chuẩn bị mẫu tế bào cho xét nghiệm PCR.	Bộ dung dịch chuẩn bị mẫu tế bào cho xét nghiệm PCR gồm các loại hóa chất đủ để thực hiện 1 mẫu trên 1 lần chạy. Hoặc tương đương.	Test	8.326	2.497
168	Thuốc thử xét nghiệm định tính DNA HPV	Thuốc thử xét nghiệm định tính DNA HPV bằng kỹ thuật Realtime PCR gồm các loại hóa chất đủ để thực hiện 1 mẫu trên 1 lần chạy Hoặc tương đương.	Test	8.326	2.497

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm 30%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
169	Chất chứng cho xét nghiệm định tính DNA HPV	Chất chứng cho xét nghiệm định tính DNA HPV bằng kỹ thuật Realtime PCR gồm các loại hóa chất đủ để thực hiện 1 mẫu trên 1 lần chạy Hoặc tương đương.	Bộ	377	113
170	Đầu tip hút mẫu và thuốc thử 1.000 µL	Đầu tip hút mẫu và thuốc thử có thể tích: $\geq 1.000 \mu\text{L}$. Hoặc tương đương	Cái	105.984	31.795
171	Ngăn chứa thuốc thử 50 mL	Ngăn chứa thuốc thử có thể tích $\geq 50\text{ml}$ hoặc tương đương.	Cái	1.380	414
172	Ngăn chứa thuốc thử 200 mL	Ngăn chứa thuốc thử có thể tích $\geq 200\text{ml}$ hoặc tương đương.	Cái	460	138
173	Đĩa tách chiết 2,0 mL	Đĩa tách chiết thể tích $\geq 2,0 \text{ ml}$ hoặc tương đương.	Cái	345	103
174	Bộ bảo quản và vận chuyển mẫu tế bào	Bộ bảo quản và vận chuyển mẫu tế bào sử dụng trong xét nghiệm PCR gồm các loại hóa chất đủ để thực hiện 1 mẫu trên 1 lần chạy. Hoặc tương đương.	Lọ	2.474	742
175	Dụng cụ lấy mẫu tế bào cổ tử cung	Dụng cụ lấy tế bào cổ tử cung, vô trùng và sử dụng một lần hoặc tương đương.	Cái	1.380	414
TỔNG CỘNG: 175 KHOẢN					